**TIẾT 11. BÀI 11 . THIÊN NHIÊN PHÂN HÓA ĐA DẠNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

**Phân tích các thành phần tự nhiên để thấy đặc điểm cơ bản của tự nhiên VN**

\* Thiên nhiên phân hóa đa dạng:

- Thiên nhiên phân hóa theo chiều Đ - T:

+ Đặc điểm vùng biển và thềm lục địa

+ Đặc điểm vùng đồng bằng ven biển

+ Đặc điểm vùng đồi núi

- Thiên nhiên phân hóa theo độ cao:

+ Đặc điểm đai nhiệt đới gió mùa

+ Đặc điểm đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi

+ Đặc điểm đai ôn đới gió mùa trên núi

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung**:** Năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học, sử dụng công nghệ thông tin.

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu.

**2. Học liệu:** SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**3.1. Ổn định:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày dạy** | **Lớp** | **Sĩ số** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**3.2. Kiểm tra bài cũ:** Kết hợp trong quá trình dạy bài mới.

**3.3. Hoạt động học tập:**

**HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)**

**a) Mục đích:** HS biết những biểu hiện và hiểu nguyên nhân của sự phân hóa thiên nhiên theo chiều Đông - Tây và theo độ cao.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

**c) Sản phẩm:** HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chiếu cho HS xem và nghe video Ba khổ đầu ca khúc Sợi nhớ sợi thương. Sáng tác: Phạm Huỳnh Điểu; phổ nhạc: Thúy Bắc; thể hiện: Thu Hiền.

“Trường Sơn Ðông, Trường Sơn Tây

Bên nắng đốt, bên mưa quây.

Em dang tay, em xòe tay

Chẳng thể nào mà xua tan mây

Mà chẳng thể nào mà che anh được.

Chứ rút sợi thương, nay anh chắp mái lợp

Rút sợi nhớ, mây đan vòm xanh

Nghiêng sườn Đông mà che mưa anh

Nghiêng sườn Tây xõa bóng mát...”

+ Một số hình ảnh, bảng biểu minh họa về sự khác biệt tự nhiên (nhất là thời tiết và khí hậu của sườn phía Đông - phía Tây, một số hình ảnh thể hiện sự khác biệt về khí hậu và cảnh quan theo độ cao của nước ta.

+ Câu hỏi: Những lời trong ca khúc và những hình ảnh, bảng biểu minh họa gợi cho em suy nghĩ gì về đặc điểm thiên nhiên nước ta?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 05 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về phân hóa thiên nhiên theo chiều Đông - Tây**

**a) Mục đích:** HS nắm được sự phân hóa thiên nhiên theo chiều Đông – Tây ở vùng biển, thềm lục địa, vùng đồng bằng ven biển và vùng núi.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

|  |
| --- |
| **2. Thiên nhiên phân hóa theo chiều Đông - Tây**  **a. Vùng biển và thềm lục địa**  - Vùng biển nước ta lớn gấp 3 lần diện tích đất liền.  - Độ nông - sâu, rộng - hẹp của thềm lục địa có quan hệ chặt chẽ với vùng đồng bằng, vùng đồi núi kề bên và có sự thay đổi theo từng đoạn bờ biển.  - Vùng thềm lục địa phía Bắc và phía Nam có đáy nông, mở rộng, có nhiều đảo ven bờ; vùng thềm lục địa Nam Trung Bộ thu hẹp, tiếp giáp với vùng biển nước sâu.  - Thiên nhiên vùng biển nước ta rất giàu có và đa dạng.  **b. Vùng đồng bằng ven biển**  - Thiên nhiên vùng đồng bằng nước ta thay đổi tùy nơi, thể hiện mối quan hệ chặt chẽ với dải đồi núi phía tây và vùng biển phía đông.  - Đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng Nam Bộ: nơi đồi núi lùi xa vào đất liền thì đồng bằng mở rộng với các bãi triều thấp phẳng, thềm lục địa rộng, nông. Thiên nhiên trù phú, xanh tươi, thay đổi theo mùa.  - Đồng bằng ven biển Trung bộ: hẹp ngang và bị chia cắt thành những đồng bằng nhỏ, đường bờ biển khúc khuỷu với thềm lục địa thu hẹp, tiếp giáp vùng biển sâu. Các dạng địa hình bồi tụ, mài mòn xen kẽ nhau, các cồn cát, đầm phá khá phổ biến. Thiên nhiên khắc nghiệt, đất đai kém màu mỡ nhưng giàu tiềm năng du lịch, thuận lợi phát triển các ngành kinh tế biển.  **c. Vùng đồi núi**  - Sự phân hóa thiên nhiên theo Đông - Tây ở vùng đồi núi rất phức tạp, chủ yếu do tác động của gió mùa với hướng các dãy núi.  - Trong khi thiên nhiên vùng núi Đông Bắc mang sắc thái cận nhiệt đới gió mùa thì ở vùng núi thấp phía nam Tây Bắc lại có cảnh quan thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ở vùng núi cao Tây Bắc, cảnh quan thiên nhiên giống như vùng ôn đới.  - Khi sườn Đông Trường Sơn có mưa vào thu đông, thì ở vùng Tây Nguyên lại là mùa khô, nhiều nơi khô hạn gay gắt. Còn khi Tây Nguyên vào mùa mưa thì bên sườn Đông Trường Sơn nhiều nơi lại chịu tác động của gió Tây khô nóng. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Tổ chức cho HS chơi trò chơi.

GV phổ biến luật chơi:

+ Mỗi nhóm nhận 01 gói thông tin (về nội dung thiên nhiên phân hóa theo chiều Đông - Tây; nội dung các gói thông tin giống nhau, chỉ khác nhau về màu chữ).

+ Lần lượt các thành viên trong nhóm (mỗi người chỉ cầm 01 phiếu thông tin) lên dán vào bảng phụ để trống sao cho đúng với vùng có thông tin đó. Khi thành viên trở về chỗ thì thành viên khác mới có quyền bước lên dán tiếp. Hết lượt tất cả các thành viên lên dán mới quay lại lượt 2.

+ Nếu thông tin các nhóm dán trùng nhau vẫn được tính cho các nhóm đó.

+ GV chia lớp thành 4 nhóm.

+ Thời gian cho tất cả các nhóm: 03 phút.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ HS nhận gói thông tin.

+ Trao đổi thật nhanh với các thành viên.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các thành viên lên dán bảng.

+ HS trao đổi, điều chỉnh (nếu cần).

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét về các sản phẩm của HS: về nội dung, hình thức trình bày … Sau đó GV hướng dẫn HS chốt kiến thức. Nhận xét đánh giá chuyên cần.

**Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về thiên nhiên phân hóa theo độ cao**

**a) Mục đích:** Biết được sự phân hoá theo độ cao. Đặc điểm về khí hậu, các loại đất và các hệ sinh thái chính theo 3 đai cao ở Việt Nam. Hiểu được mối liên hệ có quy luật trong sự phân hoá thổ nhưỡng và sinh vật.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

|  |
| --- |
| **3. Thiên nhiên phân hóa theo độ cao:**  Thiên nhiên nước ta có 3 đai cao:  **a. Đai nhiệt đới gió mùa:**  - Độ cao:  + Miền Bắc dưới 600 - 700m  + Miền Nam 900 - 1000m.  - Khí hậu: Mùa hạ nóng, độ ẩm thay đổi từ khô đến ẩm ướt.  - Thổ nhưỡng:  + Nhóm đất phù sa chiếm 24%diện tích.  + Nhóm đất feralit vùng đồi núi thấp > 60% diện tích: feralit đỏ vàng,nâu đỏ.  - Sinh vật:  + Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh với 3 tầng cây gỗ, động vật đa dạng.  + Hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa: rừng thường xanh,rừng nửa rụng lá và rừng thưa nhiệt đới khô.  **b. Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi:**  - Độ cao:  + Miền Bắc 600 - 700m lên đến 2600m.  + Miền Nam 900 - 100m lên 2600m.  - Khí hậu: mát mẻ, mưa nhiều, độ ẩm tăng.  + Độ cao 600 - 700m đến 1600 - 1700m hình thành rừng cận nhiệt đới lá rộng  và lá kim trên đất fealit có mùn.  + + 1600 - 1700m hình thành đất mùn rừng phát triển kém đã xuất hiện các loài cây ôn đới.  **c. Đai ôn đới gió mùa trên núi:**  - Độ cao từ 2600m trở lên.  - Khí hậu: có tính chất khí hậu ôn đới, không có tháng nào trên 150C.  - Thổ nhưỡng: chủ yếu đất mùn thô.  - Sinh vật: các loài thực vật ôn đới như đỗ quyên, lãnh sam, thiết sam. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu tất cả HS đọc SGK mục 3, Alat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học kết hợp với phiếu học tập để hoàn thành các nội dung trong phiếu học tập đã giao từ cuối buổi trước.

+ Sau hoạt động cá nhân, GV chia lớp làm 3 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm:

+ Nhóm 1: báo cáo về đai nhiệt đới gió mùa

+ Nhóm 2: báo cáo về đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi.

+ Nhóm 3: báo cáo về đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ HS hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu.

+ GV hướng theo dõi các nhóm hoạt động.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV mời đại diện các nhóm nhỏ lên báo cáo kết quả.

+ Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:** Củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kĩ năng bài học góp phần hình thành các kĩ năng mới cho HS

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

**Câu 1:** Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở nước ta có đặc điểm là

**A.** các tháng đều có nhiệt độ trên 28°C.

**B.** không có tháng nào nhiệt độ dưới 25°C.

**C.** không có tháng nào nhiệt độ trên 25°C.

**D.** chỉ có 2 tháng nhiệt độ trên 25°C.

**Câu 2:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về sự phân hóa thiên nhiên theo độ cao của nước ta?

**A.** Nhóm đất feralit chiếm phần lớn diện tích đai nhiệt đới gió mùa.

**B.** Ranh giới đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi miền Bắc thấp hơn miền Nam.

**C.** Các loài chim di cư thuộc khu hệ Himalaya chỉ có ở độ cao trên 2600m.

**D.** Đai ôn đới gió mùa trên núi chỉ có ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

**Câu 3:** Thiên nhiên vùng núi nào sau đây mang sắc thái cận nhiệt đới gió mùa?

**A.** Vùng núi cao Tây Bắc. **B.** Vùng núi Trường Sơn.

**C.** Vùng núi thấp Tây Bắc. **D.** Vùng núi Đông Bắc.

**Câu 4:** Đai nhiệt đới gió mùa phân bố ở độ cao trung bình

**A.** ở miền Bắc dưới 600 - 700 m; miền Nam dưới 900 - 1000 m.

**B.** ở miền Bắc và miền Nam dưới 600 - 700m đến 900 - 1000 m.

**C.** ở miền Bắc dưới 900 - 1000 m, miền Nam dưới 600 - 700m.

**D.** ở miền Bắc trên 600 - 700 m; miền Nam trên 900 - 1000 m.

**Câu 5:** Trong đai nhiệt đới gió mùa, sinh vật chiếm ưu thế là các hệ sinh thái

**A.** ôn đới. **B.** cận nhiệt đới. **C.** xa van. **D.** nhiệt đới.

**Câu 6:** Các nhóm đất chủ yếu của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi là

**A.** đất phù sa và feralit. **B.** đất feralit và feralit có mùn.

**C.** feralit có mùn và đất mùn. **D.** đất mùn và đất mùn thô.

**Câu 7:** Đặc điểm khí hậu nào sau đây thuộc đai ôn đới gió mùa trên núi?

**A.** Nhiệt độ tháng lạnh nhất trên 100C.

**B.** Nhiệt độ tháng nóng nhất trên 350C.

**C.** Nhiệt độ trung bình năm dưới 50C.

**D.** Nhiệt độ trung bình năm dưới 150C.

**Câu 8:** Hệ sinh thái đặc trưng của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi là

**A.** Rừng lá kim trên đất feralit có mùn.

**B.** Rừng gió mùa lá rộng thường xanh.

**C.** Rừng lá kim trên đất feralit.

**D.** Rừng cận nhiệt đới lá rộng.

**Câu 9:** Đai ôn đới gió mùa trên núi chỉ có ở

**A.** Trường Sơn Nam. **B.** Trường Sơn Bắc.

**C.** Hoàng Liên Sơn. **D.** Dãy Bạch Mã.

**Câu 10:** Sự phân hóa thiên nhiên của vùng biển - thềm lục địa, vùng đồng bằng ven biển và vùng đồi núi là biểu hiện của sự phân hóa theo chiều

**A.** Bắc - Nam. **B.** Đông - Tây. **C.** Độ cao. **D.** Tây - Đông.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục đích:** Phân tích những biểu hiện và nguyên nhân của tính chất thiên nhiên phân hóa đa dạng qua một số hình ảnh cụ thể.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để thực hiện yêu cầu GV đưa ra.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

\* Câu hỏi: Nêu lên nội dung cơ bản của sự tương phản của tự nhiên nước ta theo chiều Đông - Tây?

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV: chiếu một số hình ảnh về sự tương phản của tự nhiên nước ta theo chiều Đông - Tây và theo độ cao và câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**3.4. Củng cố, dặn dò:**

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

**3.5. Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn thành bài tập - SGK trang 50 và bài 1 trang 55.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Lập dàn ý cơ bản về sự phân hóa thiên nhiên theo chiều Đông - Tây và theo độ cao.

- Tìm hiểu đặc điểm cơ bản của ba miền địa lí tự nhiên theo phiếu học tập sau:

**CÁC MIỀN ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên miền** | **Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ** | **Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ** | **Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ** |
| Phạm vi |  |  |  |
| Địa chất |  |  |  |
| Địa hình |  |  |  |
| Khoáng sản |  |  |  |
| Khí hậu |  |  |  |
| Sông ngòi |  |  |  |
| Sinh vật |  |  |  |

**Ngày soạn: …. /…. /….**

**TIẾT 12. BÀI 12. THIÊN NHIÊN PHÂN HÓA ĐA DẠNG (TIẾP)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

**Phân tích và giải thích được đặc điểm cảnh quan ba miền tự nhiên nước ta:**

- Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ: phạm vi, đặc điểm cơ bản về tự nhiên, thuận lợi và khó khăn của tự nhiên đối với phát triển kinh tế - xã hội

- Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ: phạm vi, đặc điểm cơ bản về tự nhiên, thuận lợi và khó khăn của tự nhiên đối với phát triển kinh tế - xã hội

- Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ: phạm vi, đặc điểm cơ bản về tự nhiên, thuận lợi và khó khăn của tự nhiên đối với phát triển kinh tế - xã hội

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung**:** Năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học, sử dụng công nghệ thông tin.

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu.

**2. Học liệu:** SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**3.1. Ổn định:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày dạy** | **Lớp** | **Sĩ số** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**3.2. Kiểm tra bài cũ:** Kết hợp trong quá trình dạy bài mới.

**3.3. Hoạt động học tập:**

**HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)**

**a) Mục đích:** HS nhận diện được các miền thiên nhiên trong thực tế.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

**c) Sản phẩm:** HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu một số hình ảnh của tự nhiên ở các vùng miền khác nhau sau đó yêu cầu HS xác định từng bức ảnh là đại diện của thiên nhiên ở miền nào?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 03 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về các miền Địa lí tự nhiên**

**a) Mục đích:** Hiểu được sự phân hoá cảnh quan thiên nhiên thành 3 miền địa lí tự nhiên và đặc điểm cơ bản nhất của mỗi miền. Biết được các mặt thuận lợi và hạn chế trong sử dụng tự nhiên ở mỗi miền. Đọc hiểu phạm vi và đặc điểm các miền địa lí tự nhiên trên bản đồ.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**4. Các miền địa lí tự nhiên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên miền** | **Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ** | **Miền Tây Bắc Và Bắc Trung Bộ** | **Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ** |
| **Phạm vi** | - Vùng đồi núi tả ngạn sông Hồng và đồng bằng sông Hồng. | - Vùng núi hữu ngạn sông Hồng đến dãy Bạch Mã. | - Từ 160B trở vào cực Nam lãnh thổ. |
| **Địa chất** | - Cấu trúc địa chất quan hệ với Hoa Nam (TQ), địa hình tương đối ổn định.  - Tân kiến tạo nâng yếu. | - Cấu trúc địa chất quan hệ với Vân Nam (TQ). Địa hình chưa ổn định, Tân kiến tạo nâng mạnh. | - Các khối núi cổ, các bề mặt sơn nguyên bóc mòn và các cao nguyên badan. |
| **Địa hình** | - Chủ yếu là đồi núi thấp. Độ cao trung bình 600m, có nhiều núi đá vôi, hướng núi vòng cung, đồng bằng mở rộng, địa hình bờ biển đa dạng. | - Địa hình cao nhất nước với độ dốc lớn, hướng chủ yếu là TB - ĐN với các bề mặt sơn nguyên, cao nguyên, đồng bằng giữa núi. | - Chủ yếu là cao nguyên, sơn nguyên.  - Đồng bằng Nam bộ thấp, phẳng và mở rộng. |
| **Khoáng sản** | - Giàu khoáng sản: than, sắt, … | - Có đất hiếm, sắt, crôm, titan, … | - Dầu khí có trữ lượng lớn, bôxit, … |
| **Khí hậu** | - Mùa đông lạnh và ít mưa, mùa hạ nóng và mưa nhiều. | - Không có mùa đông lạnh, … | - Phân thành mùa mưa và mùa khô rõ rệt. |
| **Sông ngòi** | - Dày đặc, chảy theo hướng TB - ĐN và vòng cung. | - Có độ dốc lớn, chảy theo hướng TB - ĐN và Tây - Đông là chủ yếu. | - Dày đặc, nhất là vùng Đb. Nam Bộ. |
| **Sinh vật** | - Nhiệt đới và á nhiệt đới, ôn đới. | - Nhiệt đới, cận nhiệt, ôn đới. | - Nhiệt đới, cận Xích đạo và Xích đạo. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:

+ Nhóm 1 và 2: tìm hiểu về Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ

+ Nhóm 3 và 4: tìm hểu về Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ

+ Nhóm 5 và 6: tìm hiểu về miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 - 7 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

+ Sau khi đại diện các nhóm trình bày xong, HS nhóm khác đã nhận xét, GV có thể chiếu bảng kiến thức lên để cho HS đối chiếu

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:** Củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kĩ năng bài học góp phần hình thành các kĩ năng mới cho HS

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

**Câu 1:** Hệ sinh thái đặc trưng của khu vực cực Nam Trung Bộ nước ta là

**A.** xa van cây bụi. **B.** rừng thưa nhiệt đới khô.

**C.** rừng nhiệt đới. **D.** rừng thường xanh trên đá vôi.

**Câu 2:** Khí hậu miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có đặc điểm nào sau đây?

**A.** Nóng, ẩm quanh năm. **B.** Tính chất cận xích đạo.

**C.** Tính chất ôn hòa. **D.** Khô hạn quanh năm.

**Câu 3:** Đặc trưng của khí hậu miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

**A.** mùa mưa lùi dần về mùa thu - đông.

**B.** gió phơn Tây Nam hoạt động mạnh.

**C.** chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

**D.** phân chia hai mùa mưa, khô sâu sắc.

**Câu 4:** Đặc điểm nổi bật của thiên nhiên miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ nước ta là

**A.** khí hậu cận xích đạo gió mùa với nền nhiệt độ cao quanh năm.

**B.** đồi núi thấp chiếm ưu thế với các dãy núi có hướng vòng cung.

**C.** địa hình cao, các dãy núi xen thung lũng sông có hướng tây bắc - đông nam.

**D.** gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh, tạo nên mùa đông lạnh nhất ở nước ta.

**Câu 5:** Đặc điểm thiên nhiên nổi bật của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ nước ta là

**A.** khí hậu cận xích đạo gió mùa với nền nhiệt độ cao quanh năm.

**B.** địa hình có các sơn nguyên bóc mòn và các cao nguyên badan.

**C.** địa hình cao, các dãy núi xen kẽ thung lũng sông hướng tây bắc - đông nam.

**D.** gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh, tạo nên mùa đông lạnh nhất ở nước ta.

**Câu 6:** Đặc điểm thiên nhiên nổi bật của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ nước ta là

**A.** khí hậu cận xích đạo gió mùa với nền nhiệt độ cao quanh năm.

**B.** đồi núi thấp chiếm ưu thế với các dãy núi có hướng vòng cung.

**C.** địa hình cao, các dãy núi xen thung lũng sông có hướng tây bắc - đông nam.

**D.** gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh, tạo nên mùa đông lạnh nhất ở nước ta.

**Câu 7:** Dạng thời tiết nắng nóng, kèm theo mưa dông xuất hiện vào cuối mùa khô ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là do ảnh hưởng của

**A.** Tín phong bán cầu Bắc. **B.** Tín phong bán cầu Nam.

**C.** gió mùa mùa hạ đến sớm. **D.** áp thấp nóng phía tây lấn sang.

**Câu 8:** Điểm khác biệt về khí hậu của Nam Bộ so với Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** mùa mưa ngắn hơn. **B.** mùa mưa sớm hơn.

**C.** khí hậu cận xích đạo. **D.** nóng quanh năm.

**Câu 9:** Sự phân hóa thiên nhiên theo chiều Đông Tây giữa hai khu vực Đông Trường Sơn và Tây Nguyên chủ yếu do

**A.** độ cao địa hình và hướng các dãy núi.

**B.** độ cao địa hình và ảnh hưởng của biển.

**C.** ảnh hưởng của biển và lớp phủ thực vật.

**D.** tác động của gió mùa và hướng các dãy núi.

**Câu 10:** Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có các loài thực vật ôn đới chủ yếu là do

**A.** ảnh hưởng mạnh gió mùa Đông Bắc.

**B.** có nhiều núi và cao nguyên đồ sộ.

**C.** có địa hình núi cao từ 2600m trở lên.

**D.** có mạng lưới sông ngòi dày đặc.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục đích:** Giải thích được các nguyên nhân dẫn đến sự phân hóa thành các miền Địa lí tự nhiên ở nước ta.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

\* Câu hỏi: Giải thích nguyên nhân khiến tự nhiên nước ta phân hóa thành 3 miền khác nhau?

\* Trả lời câu hỏi: Nội dung trả lời cần có những ý sau:

- Do vị trí địa lí...

- Do phạm vi lãnh thổ...

- Do gió mùa...

- Do địa hình, địa chất...

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**3.4. Củng cố, dặn dò:**

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

**3.5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Lập dàn ý cơ bản về đặc điểm các miền Địa lí tự nhiên nước ta.

- Lập sơ đồ hóa nội dung chủ đề Sử dụng và bảo vệ tự nhiên, bao gồm các nội dung lớn sau:

+ Sử dụng và bảo vệ tự nhiên.

+ Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai.

**Ngày soạn: 20/11/2024**

**CHỦ ĐỀ: VẤN ĐỀ SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ TỰ NHIÊN**

**(Thời lượng: 2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Biết được sự suy thoái tài nguyên rừng, đa dạng sinh học, đất; một số nguyên nhân dẫn đến sự suy giảm, cạn kiệt tài nguyên và ô nhiễm môi trường.

- Trình bày được một số tác động tiêu cực do thiên nhiên gây ra đã phá hoại sản xuất, gây thiệt hại về người và của.

- Biết được chiến lược, chính sách về tài nguyên và môi trường của Việt Nam.

**- Tích hợp môi trường (cả CĐ)**

**- Tích hợp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả (Cả CĐ)**

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung**:** Năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học, sử dụng công nghệ thông tin.

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu.

**2. Học liệu:** SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**3.1. Ổn định:**

**3.2. Kiểm tra bài cũ:** Không kiểm tra.

**3.3. Hoạt động học tập:**

**HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)**

**a) Mục đích:** HS nhớ lại những kiến thức về hiện trạng của một số loại tài nguyên của nước ta. Rèn luyện kĩ năng liên hệ thực tiến để giải quyết vấn đề. Tìm ra những nội dung HS chưa biết, để từ đó bổ sung và khắc sâu những kiến thức của bài học cho HS.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

**c) Sản phẩm:** HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chiếu một số hình ảnh có tính tương phản (một bên là hình ảnh thể hiện sự giàu có của TNTN, một bên thể hiện sự suy giảm của TNTN, thiên tai…). GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của bản thân, đưa ra câu nhận xét về tài nguyên thiên nhiên của nước ta.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 03 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

**Nhận xét cần có hai ý chính: Nước ta có tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng nhưng đang bị suy giảm đáng kể.**

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về vấn đề sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên**

**a) Mục đích:** Biết hiện trạng, hiểu rõ nguyên nhân và các biện pháp để sử dụng hợp lí, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**1. Sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tài nguyên** | **Hiện trạng** | **Nguyên nhân** | **Biện pháp** |
| Rừng | - Diện tích đang được phục hồi (d/c). Tuy nhiên, tổng diện tích và tỉ lệ che phủ rừng hiện nay vẫn thấp hơn năm 1943.  - Chất lượng rừng ngày càng giảm sút. | - Do chiến tranh  - Do nạn du canh du cư phá rừng làm nương dẫy  - Do cháy rừng  - Do khai thác quá mức… | - Nâng cao độ che phủ rừng  - Quy định việc khai thác (đối với từng loại rừng)  - Triển khai luật bảo vệ và phát triển rừng |
| Đa dạng sinh học | - Nhiều loài SV có nguy cơ tuyệt chủng  - Số lượng loài và số lượng cá thể trong từng loài ngày càng giảm | - Khai thác quá mức.  - Ô nhiễm môi trường. | - Xây dựng hệ thống vườn quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên.  - Quy định cụ thể về việc khai thác. |
| Đất | - Năm 2005, đất sử dụng trong nông nghiệp là 9,4 triệu ha.  - Bình quân đất nông nghiệp trên đầu người thấp (0,1 ha).  - Khả năng mở rộng diện tích đất nông nghiệp không lớn. | - Do sử dụng chưa hợp lí…, do ONMT, do biến đổi khí hậu, do thiên tai. | - Đối với vùng đồi núi: hạn chế xói mòn bằng canh tác hợp lí, bảo vệ rừng…  - Đồng bằng: Chống bạc màu, ô nhiễm đất, hạn chế nhiễm phèn, mặn… |
| Tài nguyên khác | - TN nước ô nhiễm, thiếu nước vào mùa khô...  - TN khoáng sản đang cạn kiệt dần | - Do ô nhiễm MT, khai thác và SD chưa hợp lí... | - Khai thác và SD hợp lí; chống ô nhiễm tai nguyên nước.. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:

+ Nhóm 1: Tìm hiểu về sự biến động tài nguyên rừng của nước ta

\* Câu hỏi 1: Dựa vào bảng 14.4, nhận xét về hiện trạng sử dụng tài nguyên rừng ở nước ta?

\* Câu hỏi 2: Nguyên nhân suy giảm tài nguyên rừng ở nước ta? Các biện pháp bảo vệ?

+ Nhóm 2: Tìm hiểu về sự suy giảm đa dạng sinh học ở nước ta.

\* Câu hỏi 1: Dựa vào bảng 14.2, cho biết biểu hiện sự suy giảm tài nguyên sinh học ở nước ta?

\* Câu hỏi 2: Nguyên nhân dẫn đến sự suy giảm đa dạng sinh học của nước ta và các biện pháp bảo vệ?

+ Nhóm 3: Tìm hiểu về hiện trạng sử dụng tài nguyên đất.

\* Câu hỏi 1: Nêu những biểu hiện của sự suy giảm tài nguyên đất ở nước ta?

\* Câu hỏi 2: Nguyên nhân của sự suy giảm tài nguyên đất và các biện pháp bảo vệ?

+ Nhóm 4: Tìm hiểu về tình hình sử dụng và bảo vệ các loại tài nguyên khác của nước ta.

\* Câu hỏi 1: Nêu tình hình sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước ở nước ta. Nguyên nhân làm ô nhiễm nước.

\* Câu hỏi 2: Tình hình sử dụng và bảo vệ tài nguyên khoáng sản, tài nguyên du lịch ở nước ta?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 10 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về vấn đề bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai**

**a) Mục đích:** Hiểu rõ một số nguyên nhân và biện pháp bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**2. Bảo vệ môi trường:**

Có 2 vấn đề môi trường đáng quan tâm ở nước ta hiện nay:

- Tình trạng mất cân bằng sinh thái môi trường, làm gia tăng các thiên tai: bão, lũ, hạn hán; các hiện tượng biến đổi thất thường về thời tiết và khí hậu…

- Tình trạng ONMT: môi trường nước, không khí, đất….

**3. Một số thiên tai chủ yếu và biện pháp phòng chống**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại thiên tai** | **Thời gian** | **Nơi xảy ra** | **Hậu quả** | **Biện pháp** |
| Bão | Từ tháng VI – XI; Mùa bão chậm dần từ Bắc vào Nam | - Bão tác động trực tiếp đến các vùng ven biển, nhất là ven biển miền Trung (đặc biệt là BTB)  - Mỗi năm có từ 3 – 4 cơn bão đổ bộ vào đất liền nước ta. | Bão kèm gió mạnh, mưa lớn, gây hậu quả nghiêm trọng về người và tài sản của người dân... | - Tăng cường công tác dự báo;  - Củng cố hệ thống đê, kè ven sông, ven biển, phòng chống lũ quét, sạt lở đất ở vùng núi, ngập lụt ở đồng bằng;  - Sơ tán người dân khi có bão.... |
| Ngập lụt | Vào mùa mưa | Ở các đồng bằng | Thiệt hại mùa màng, ảnh hưởng lớn tới cuộc sống sinh hoạt của nhân dân, ONMT... | XD kênh mương thoát nước, hệ thống đê kè ven sông ven biển... |
| Lũ quét | Vào mùa mưa | Ở các khu vực đồi núi | Đe dọa tính mạng, tài sản nhân dân, sạt lở đất đá, mất rừng... | Quy hoạch hợp lí các điểm dc, Sử dụng hợp lí đất đai. Bảo vệ rừng, xd các hồ chứa... |
| Hạn hán | Vào mùa khô | Những nơi có mùa khô sâu sắc, những nới khuất gió | Thiệt hại mùa màng, ảnh hưởng tới đời sống, cháy rừng... | Phát triển thuỷ lợi, sử dụng tiết kiệm nguồn nước |
| Động đất | Xảy ra bất thường | TB, TN, NTB | Đe dọa lớn tới tính mạng và tài sản nhân dân | Đầu tư trang thiết bị, đào tạo đội ngũ cán bộ có đủ năng lực trong công tác dự báo |

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 5 nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:

\* Câu hỏi 1: Nêu những diễn biến bất thường về thời tiết, khí hậu ở nước ta những năm qua.

\* Câu hỏi 2: Nêu những biểu hiện ô nhiễm môi trường ở nước ta.

+ Nhóm 1: tìm hiểu về bão và câu hỏi 1.

+ Nhóm 2: tìm hiểu về ngập lụt và câu hỏi 1.

+ Nhóm 3: tìm hiểu về lũ quét và câu hỏi 2.

+ Nhóm 4: tìm hiểu về hạn hán và câu hỏi 1.

+ Nhóm 5: tìm hiểu về động đất và câu hỏi 2.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 10 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**3. Chiến lược quốc gia về bảo vệ tài nguyên và môi trường**

GV yêu cầu đọc SGK, tóm lược các nội dung cốt lõi và lấy ví dụ minh họa về các nội dung trong chiến lược quốc gia về bảo vệ tài nguyên và môi trường.

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:** Củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kĩ năng bài học góp phần hình thành các kĩ năng mới cho HS

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

**Câu 1:** Nguyên nhân chủ yếu làm cho diện tích rừng nước ta suy giảm nhanh là do

**A.** cháy rừng. **B.** trồng rừng chưa hiệu quả.

**C.** khai thác quá mức. **D.** chiến tranh.

**Câu 2:** Để hạn chế xói mòn trên đất dốc ở vùng đồi núi cần thực hiện biện pháp kỹ thuật canh tác nào sau đây?

**A.** Ngăn chặn du canh, du cư.

**B.** Áp dụng biện pháp nông - lâm kết hợp.

**C.** Bảo vệ rừng và đất rừng.

**D.** Làm ruộng bậc thang, đào hố vẩy cá.

**Câu 3:** Hậu quả của ô nhiễm mỗi trường nước, nhất là ở vùng cửa sông, ven biển là

**A.** biến đổi khí hậu. **B.** mưa a - xít.

**C.** cạn kiệt dòng chảy. **D.** hải sản giảm sút.

**Câu 4:** Biện pháp nhằm bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ở nước ta là

**A.** bảo vệ rừng, trồng rừng trên đất trống, đồi núi trọc.

**B.** bảo vệ cảnh quan, đa dạng sinh học các vườn quốc gia.

**C.** đảm bảo quy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng.

**D.** áp dụng các biện pháp canh tác hợp lí trên đất dốc.

**Câu 5:** Biểu hiện của sự suy thoái tài nguyên đất ở khu vực đồi núi là

**A.** nhiễm mặn. **B.** nhiễm phèn.

**C.** glây hóa. **D.** xói mòn.

**Câu 6:** Mùa bão ở nước ta có đặc điểm là

**A.** miền Bắc muộn hơn miền Nam.

**B.** miền Trung sớm hơn ở miền Bắc.

**C.** chậm dần từ Bắc vào Nam.

**D.** chậm dần từ Nam ra Bắc.

**Câu 7:** Vùng chịu ảnh hưởng mạnh nhất của bão là

**A.** ven biển đồng bằng sông Hồng. **B.** ven biển Trung Bộ.

**C.** ven biển Nam Trung Bộ. **D.** ven biển Nam Bộ.

**Câu 8:** Vùng nào sau đây chịu ngập úng nghiêm trọng nhất nước ta?

**A.** Đồng bằng sông Hồng. **B.** Bắc Trung Bộ.

**C.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 9:** Thời gian khô hạn kéo dài nhất ở các tỉnh nào sau đây?

**A.** Ninh Thuận và Bình Thuận. **B.** Sơn La và Nghệ An.

**C.** Quảng Bình và Quảng Trị. **D.** Sơn La và Lai Châu.

**Câu 10:** Tại vùng biển nước ta, động đất tập trung chủ yếu ở

**A.** vịnh Bắc Bộ. **B.** ven biển Bắc Trung Bộ.

**C.** vịnh Thái Lan. **D.** ven biển Nam Trung Bộ.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục đích:** HS lí giải được nguyên nhân khiến nước ta phải đặt vấn đề sử dụng hợp lí và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

\* Câu hỏi: Tại sao nước ta phải đặt ra vấn đề SD hợp lí và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường?

\* Trả lời câu hỏi: TNTN và môi trường có vai trò rất quan trọng đối với đời sống con người và phát triển KT - XH. Xuất phát từ hiện trạng của TNTN và môi trường:

- TNTN nước ta tuy phong phú, đa dạng nhưng đang bị suy giảm đáng kể.

- Môi trường đang tồn tại hai vấn đề rất đáng quan tâm: Mất cân bằng sinh thái môi trường và ô nhiễm môi trường.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**3.4. Tổng kết chủ đề, củng cố, dặn dò:**

**a. Tổng kết chủ đề:**

- GV nhận xét, đánh giá về việc thực hiện chủ đề: những ưu điểm và hạn chế chủ yếu cần rút kinh nghiệm.

**b. Củng cố, dặn dò:**

- GV củng cố, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của chủ đề thông qua sơ đồ hóa đã được chuẩn bị sẵn.

**3.5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới: chuẩn bị các nội dung ôn tập cuối HK I: Lập sơ đồ hệ thống hóa kiến thức của HK I, đặc biệt từ bài Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa tới hết chủ đề Vấn đề sử dụng và bảo vệ tự nhiên.